

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VT
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05/5/2023

“V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Đào.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Cảnh

2. Bà Đinh Thị Vang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tín, Thư ký Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bạch Nam Chu Lai – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm: 1986, địa chỉ: Thôn ĐN, xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định – Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Kế N, sinh năm: 1977, địa chỉ: Thôn VP, xã VH1, huyện VT, tỉnh Bình Định. Hiện ở: Khu phố ĐA, thị trấn VT, huyện VT, tỉnh Bình Định – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/10/2022, được bổ sung bằng lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N có tổ chức lễ cưới vào năm 2009, đăng ký kết hôn vào ngày 10/9/2009 tại UBND xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống ở phía nhà ông N (tại thôn VP, xã VH1) được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu, nên bà về sống phía nhà cha mẹ đẻ, còn ông N vẫn sống với gia đình tại thôn VP, vợ chồng giữ liên lạc, gặp mặt nhưng không thường xuyên trực tiếp chung sống với nhau. Đến năm 2012, vợ chồng thuê nhà chung sống tại khu phố ĐA, thị trấn VT, thời gian này

vợ chồng thường kình cãi nhau về tiền bạc; Đến năm 2015, vợ chồng mua đất và xây nhà sống tại khu phố ĐA, thị trấn VT, lúc này mâu thuẫn vấn đề thu, chi, quản lý tiền bạc trong gia đình tái diễn, ông Nvô có rêu rao nói bà ngoại tình, bà bức xúc nên vợ chồng thường xuyên kình cãi nhau ồn ào, bị hàng xóm phản ánh. Thậm chí ông Nvô lực, đánh bà nhiều lần, nhiều người biết nhưng không ai khuyên được ông Nghĩa. Bà quyết định chuyển đồ đi ra khỏi nhà, vợ chồng bà sống ly thân khoảng từ tháng 7/2022 cho đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn chồng bà là ông Nguyễn Kế N.

Về con chung: Bà và ông Nvô 02 con chung, là các cháu: Nguyễn Trần Gia H (sinh ngày: 09/5/2010) và Nguyễn Trần Anh T (sinh ngày: 22/11/2019). Trong thời gian bà nộp đơn ly hôn và chờ Tòa án giải quyết thì cháu T ở với bà, còn cháu H sống với cha; Khi ly hôn, bà tự xét tình hình thực tế và nguyện vọng của con, bà yêu cầu Tòa giải quyết giao cháu H cho ông Nnuôi, còn bà nuôi cháu T. Bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ban đầu khi khởi kiện, bà có yêu cầu tranh chấp về tài sản chung, nhưng tại biên bản lấy lời khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 23/3/2023 và tại phiên tòa hôm nay, bà rút yêu cầu và không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về ý kiến giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà B, cho bà B được ly hôn ông Nghĩa.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà B, giao cháu T cho bà B nuôi, giao cháu H cho ông Nnuôi; Bà B không yêu cầu ông Ncấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn ông N cư trú tại huyện VT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng, đủ về thủ tục tố tụng, tạo điều kiện, đảm bảo quyền của đương sự tham gia tố tụng theo quy định. Nguyên đơn bà B chấp hành nghiêm túc, đầy đủ. Riêng bị đơn ông N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông N đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã niêm yết, thông báo, triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông N tiếp tục vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nghĩ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Kế N đăng ký kết hôn vào ngày 10/9/2009 tại UBND xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định – Đây là hôn nhân hợp pháp.

Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, cho thấy: Trong thời gian chung sống tại khu phố ĐA, thị trấn VT kể từ năm 2015 đến năm 2022, vợ chồng bà B và ông N thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, rất nhiều lần kinh cãi to tiếng, gây ồn ào ảnh hưởng hàng xóm xung quanh.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án liên hệ, thông báo, triệu tập, hòa giải để các bên đương sự có điều kiện đoàn tụ với nhau, nhưng ông N không thiện chí, không hợp tác. Bà B và ông N hiện đang sống ly thân. Tại phiên tòa, bà B kiên quyết yêu cầu ly hôn ông Nghĩ. Như vậy, có cơ sở chứng minh hôn nhân của bà B và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B.

[3]. Về con chung: Xét yêu cầu của bà B, Hội đồng xét xử xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung, xét nguyện vọng của cháu H, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B, giao cháu T cho bà B nuôi, giao cháu H cho ông N nuôi. Đồng thời đảm bảo theo luật định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn đối với con chung, là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà B không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bà B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; Riêng án phí dân sự sơ thẩm: Bà B rút yêu cầu, không tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung nên tiền tạm ứng án phí được hoàn trả lại cho bà B.

Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006562 ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Bình Định, bà B được hoàn trả lại 10.750.000 đồng.

[6]. Với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Các Điều 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B đối với bị đơn ông Nguyễn Kế N, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị B được ly hôn ông Nguyễn Kế N.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Anh T (sinh ngày: 22/11/2019) cho bà Trần Thị B nuôi, giao cháu Nguyễn Trần Gia H (sinh ngày: 09/5/2010) cho ông Nguyễn Kế N nuôi. Bà B không yêu cầu ông Nguyễn Kế N nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị B không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án sơ thẩm: Bà Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006562 ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Bình Định, bà B được hoàn trả lại 10.750.000 đồng (Mười triệu B trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông Nguyễn Kế N không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày ông Nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện VT;
- CCTHADS huyện VT;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
(UBND xã VH, VT, Bình Định).
- P.KTNV và THA - TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mai Đào